

Số: 201 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1362/MICO-ATBV ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất thuốc nổ an toàn chịu nước trong mỏ than hầm lò - an toàn với khí nổ CH₄ và an toàn với bụi nổ than và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin có địa chỉ tại Phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất thuốc nổ an toàn chịu nước trong mỏ than hầm lò - an toàn với khí nổ CH₄ và an toàn với bụi nổ than tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thuốc nổ an toàn chịu nước trong mỏ than hầm lò – an toàn với khí nổ CH₄ và an toàn với bụi nổ than.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Quyết định số 1667/QĐ-HĐQT ngày 14/9/2004 của Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – TKV) về việc Đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương hầm lò; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100101072, đăng ký lần đầu ngày 05/6/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0100101072.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc nổ công nghiệp dạng nhũ tương (sử dụng khai thác than hầm lò).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo

vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 22.200 m² (Khu Văn phòng có diện tích 4.600m²; Khu nhà xưởng sản xuất có diện tích 17.600m²).
- Công suất: 3.000 tấn thuốc nổ công nghiệp dạng nhũ tương/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày ⁰⁶ tháng ⁶ năm 2024 đến ngày ⁰⁵ tháng ⁶ năm 2034).

Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 1970/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh;
- Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ninh;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ-Vinacomin;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSONMT/TT.9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:****1.1. Nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn số 01: Nhà vệ sinh tại khu vực Văn phòng.
- Nguồn số 02: Nhà ăn ca tại khu vực Văn phòng.

1.2. Nước thải công nghiệp:

- Nguồn số 03: Quá trình làm mát máy nhũ hóa.
- Nguồn số 04: Hoạt động vệ sinh công nghiệp tại nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 05: Quá trình vệ sinh công nghiệp của cơ sở mở rộng dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương hầm lò (do Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin làm chủ đầu tư tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy phép môi trường số 671/GPMT-UBND ngày 08/3/2024).
- Nguồn số 06: Quá trình vệ sinh công nghiệp của cơ sở sản xuất thuốc nổ ANFO tại kho số 1 - Cụm kho hóa chất mỏ Đông Triều (do Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin làm chủ đầu tư tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 1214/GXN-TNMT ngày 20/4/2015).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải số 01 (tương ứng với các nguồn số 01, 02): thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Văn phòng của Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh (do Tổng Công ty làm chủ đầu tư tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) để xử lý.

2.2. Dòng nước thải số 02 (tương ứng với các nguồn từ số 03 đến 06):

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Rộc Chày.
- Vị trí xả thải: Mương dẫn ra hồ Rộc Chày tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
- Tọa độ: X = 2330551; Y = 388567 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m³/ngày (24 giờ).
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt.
- Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCDP 3:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước thải công nghiệp tại Quảng Ninh (cột B; K_q = 0,6 ; K_f = 1,2; K_{QN} = 0,9), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	64,8		
3	Màu	Pt/Co	150		
4	COD	mg/l	97,2		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	32,4		
6	Sunfua	mg/l	0,324		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,48		
8	Tổng N	mg/l	25,92		
9	Tổng P	mg/l	3,888		
10	Clo dư	mg/l	1,296		
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6,48		
12	Coliform	VK/100ml	5.000		
13	As	mg/l	0,0648		
14	Hg	mg/l	0,00648		
15	Pb	mg/l	0,324		
16	Cd	mg/l	0,0648		
17	Fe	mg/l	3,24		
18	Mn	mg/l	0,648		
19	Cu	mg/l	1,296		
20	Crom (VI)	mg/l	0,0648		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Văn phòng của Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh (do Công ty làm chủ đầu tư tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) để xử lý.

- Nguồn số 02: thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Văn phòng của Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh (do Công ty làm chủ đầu tư tại xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) để xử lý.

- Nguồn số 03 và số 04: thu gom về bể ngầm dung tích 04 m³, sau đó bơm về bể điều hòa tập trung và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở để xử lý.

- Nguồn số 05 và 06: thu gom, đầu nối qua đường ống riêng về hệ thống xử lý nước thải

sản xuất của cơ sở để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn: 01 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Bể lắng 02 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Văn phòng của Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh.

- Dung tích: 17 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách mỡ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 02) → Song chắn rác thô → Ngăn tách mỡ → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Văn phòng của Xí nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh.

- Dung tích: 2,0 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (các nguồn từ số 03 đến số 06) → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bồn lắng sơ cấp → Thiết bị xử lý sinh học AIO-01 → Bồn hấp phụ bằng than hoạt tính → Bể trồng cây thủy sinh → Mương dẫn → Hồ Rộc Chày.

- Công suất: 15 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, PAM (hoặc các hóa chất khác tương đương bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị; nạo vét bùn, cặn từ bể tự hoại, bể tách mỡ để đảm bảo vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp sự cố tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất phải dừng hoạt động, tạm dừng các công đoạn phát sinh nước thải trong thời gian khắc phục, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này; thực hiện quy định tiếp nhận, chuyển giao nước thải để xử lý đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; không được phép xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

me

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Lò hơi đốt dầu DO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải số 01: ống khói của lò hơi đốt dầu DO, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2330557; Y = 388690 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 600 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24 giờ.

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCDP 5: 2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (cột B; Kp=1,0; Kv = 0,8), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
3	CO	mg/Nm ³	800		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: được thu gom và xả ra ngoài môi trường qua ống khói của lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; vận hành lò hơi theo đúng quy trình sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành, thực hiện sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lò hơi đốt dầu DO không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

me

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°):

- Nguồn số 01: X = 2333524; Y = 385670.

3. Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

me

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm 2024 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
2	Dầu thải	17 02 04	500
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	18 02 01	250
4	Pin/ắc quy chì thải	19 06 01	200
5	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	60
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 02	20.000
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 03	5.000
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	700
	Tổng cộng		26.712

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R):

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Lốp thải	300
2	Bao bì mềm thải (vỏ bao PP, PE)	5.000
3	Bùn thải từ bể tự hoại, trạm XLNT	1.600
	Tổng cộng	6.900

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa và thùng phuy có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 260 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, nền bê tông chống thấm, mái che, có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không (Thực hiện thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Không (Thực hiện thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1407/QĐ-BCT ngày 29/5/2020 và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

ME

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-TBTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định số 1131/QĐ-BTNMT ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương hầm lò (Nhà máy sản xuất thuốc nổ an toàn chịu nước trong mỏ than hầm lò - An toàn với khí nổ CH₄ và an toàn với nổ bụi than)" tại tỉnh Quảng Ninh, Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý.

2. Xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất; bố trí và vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng ngừa ứng phó sự cố và phòng, chống cháy nổ; đảm bảo quá trình hoạt động ổn định của các máy móc, thiết bị; trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, phòng ngừa, ứng phó sự cố, đảm bảo khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

